

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 77/2023/DS-ST.
Ngày: 16 - 5 - 2023.
V/v: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lưu Văn Đề;
- Ông Đỗ Việt Hùng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu*** tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2022/TLST- DS ngày 07 tháng 12 năm 2022 về “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2023/QĐXXST - DS ngày 28/4/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Khánh H, sinh năm 1976; địa chỉ: 19/23/19/124 THL, phường T.T, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, “có mặt”;

Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc A, sinh năm 1964; địa chỉ: Bon R Bút, xã Quảng Sơn, huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông; “có đơn xin vắng mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1969; địa chỉ: xóm 19, xã H.T, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, “có mặt”.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P: Bà Vũ Thị A, sinh năm 1973; địa chỉ: xóm 19, xã H.T, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, “có mặt” (theo văn bản ủy quyền ngày 07/02/2023).

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; địa chỉ: 19A, khu Liên Cơ Vị Xuyên, phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, “có đơn xin vắng mặt”;

3. Bà Vũ Thị A, sinh năm 1973; địa chỉ: xóm 19, xã H.T, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định “có mặt”.

4. Bà Phan Hương T, sinh năm 1977; 19/23/19/124 THL, phường T.T, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; “có mặt”.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Nguyễn Khánh H, sinh năm 1976; địa chỉ: 19/23/19/124 THL, phường T.T, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định (theo văn bản ủy quyền ngày 08/12/2022); “có mặt”.

Người làm chứng:

1. Ông Phạm Hữu C, địa chỉ: xóm 19, xã H.T, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định “có mặt”;

2. Ông Nguyễn Văn H; địa chỉ: xóm 19, xã H.T, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định “có mặt”;

3. Ông Phạm Minh P; địa chỉ: xóm 19, xã H.T, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định “có mặt”;

4. Ông Vương Văn D; địa chỉ: xóm 19, xã H.T, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định “có mặt”;

5. Ông Phạm Văn T; địa chỉ: xóm 19, xã H.T, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Nguyễn Khánh H trình bày:

Bố mẹ ông H là cụ Nguyễn Tiến Đ (chết năm 2007) và cụ Mai Thị L (chết ngày 19/4/2022) sinh được 4 người con gồm: Nguyễn Quốc A, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị H và Nguyễn Khánh H. Hai cụ không có con riêng, con nuôi. Mẹ đẻ của cụ Đ là cụ Nguyễn Thị Đại chỉ có một người con là cụ Nguyễn Tiến Đ, không có con nuôi, con riêng.

Khi còn sống cụ Đ và cụ L có khối tài sản chung là thửa đất số 33, tờ bản đồ số 25, diện tích 1068m² (trong đó: đất ở 340m², đất vườn tạp 466m², đất ao 262m²) và 01 ngôi nhà cấp bốn trên thửa đất này xây năm 1976 tại xóm 19, xã H.T, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng mang tên Nguyễn Tiến Đ vào năm 1997. Cụ Đ chết không để lại di chúc. Cụ L chết có để lại di chúc lập ngày 14/4/2022 với nội dung: Diện tích đất cụ L được chia tài sản chung vợ chồng và tài sản được hưởng thừa kế của cụ Đ, cụ L chia cho vợ chồng ông Nguyễn Văn P, Bà Vũ Thị A và vợ chồng ông Nguyễn Khánh H, bà Phan Hương T mỗi

người một nửa, những người này được toàn quyền làm các thủ tục theo quy định của pháp luật để được đứng tên tài sản được chia, bản di chúc có hai người làm chứng là ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn D, có lời chứng và xác nhận của Chủ tịch UBND xã H.T vào ngày 14/4/2022. Sau khi cụ L chết, các con không thống nhất được việc chia tài sản của bố mẹ để lại nên ông H đã làm đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ Đ và cụ L là quyền sử dụng thửa đất số 33, tờ bản đồ số 25, diện tích 1068m² theo di chúc và theo pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên hòa giải, ông H đề nghị chia thừa kế không theo di chúc của cụ L mà chia toàn bộ thửa đất của cụ Đ và cụ L làm 3 phần bằng nhau theo chiều từ cạnh bắc đến cạnh nam cho: ông H, ông P mỗi người một phần và 01 phần là chung của 4 anh chị em để làm nơi thờ cúng, mỗi phần là 356m². Phần đất chung ông H đề nghị chia vào vị trí có nhà của cụ L, cụ Đ (ở giữa), phần chia cho ông P vào vị trí có nhà của vợ chồng ông P (phía đông), phần đất ở phía tây chia cho ông H. Ông P, bà A cũng đã nhất trí cách chia như thế này. Tuy nhiên sau khi thỏa thuận thống nhất chia như trên thì bà A lại trình bày phần diện tích đất của cụ Đ1 nằm ở phía đông, vào vị trí nhà của vợ chồng bà hiện nay, ông H không nhất trí mà khẳng định đất của cụ Đ1 ở phía Bắc thửa đất sau đó các đương sự có đơn thay đổi ý kiến thỏa thuận đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 17/3/2023 và bản trình bày ý kiến đề ngày 02/4/2023, bị đơn là ông Nguyễn Quốc A trình bày:

Về hàng thừa kế, quan hệ huyết thống và tài sản nhà đất bố mẹ là cụ L, cụ Đ để lại như ông H trình bày là đúng. Ông A không biết bản di chúc lập ngày 14/4/2022 của cụ L, hơn nữa bản di chúc được lập trước khi cụ L chết một thời gian nên ông A khẳng định bản di chúc này không hợp pháp. Đất của cụ Đ1 cùng nằm trong thửa đất của cụ Đ là đúng. Khi vợ chồng ông P làm nhà, ông A và ông Nguyễn Văn H cùng thi công thì cụ Đ đã nói là đất của cụ Đ1 nằm dọc theo đường vào cánh đồng, giáp với đất của ông Nguyễn Văn Rinh, tức vào vị trí nhà của vợ chồng ông P. Nay ông A chỉ nhất trí chia thừa kế nhà đất của cụ L, cụ Đ làm 3 phần bằng nhau: ông H, ông P mỗi người một phần, một phần là của chung dùng làm nơi thờ cúng và con cháu ở xa đi về. Nếu chia theo pháp luật thì phần ông A được chia, ông A sẽ tặng cho ông P, căn nhà tạm thời để thờ cúng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn P, Bà Vũ Thị A (bà A còn là người đại diện theo ủy quyền của ông P) tại bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên trình bày:

Vợ chồng ông P và bà A công nhận lời trình bày của ông H về quan hệ gia đình và về tài sản thừa kế của cụ L, cụ Đ để lại gồm diện tích đất 1068m² tại thửa số 33, tờ bản đồ số 25 đứng tên hộ cụ Nguyễn Tiến Đ, (ngoài ra cụ Đ1

cũng có 132m² đất CLN được nhà nước cấp giấy chứng nhận chung thừa với cụ Đ được Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997). Cụ Đ chết không để lại di chúc, cụ L có để lại di chúc nhưng nội dung như thế nào vợ chồng ông P không biết. Nay ông H đề nghị Tòa án chia thừa kế theo di chúc của cụ L và theo pháp luật. Quá trình tố tụng tại Tòa án ông H và vợ chồng ông bà đã thống nhất chia toàn bộ diện tích đất của bố mẹ làm 3 phần bằng nhau cho ông H, ông P mỗi người một phần và 01 phần để làm đất chung của 4 anh chị em để làm nơi thờ cúng, sau đó do không xác định được phần ranh giới đất phân biệt với đất cụ Đ1 nên đã thay đổi không nhất trí nội dung thỏa thuận. Nay ông H đề nghị Tòa án chia thừa kế theo di chúc của cụ L và theo pháp luật thì ông P và bà A nhất trí và xin nhận đất được chia vào vị trí có các công trình mà vợ chồng đã xây dựng. Ông P bà A xác định vị trí đất của cụ Đ1 ở vị trí có một phần nhà của vợ chồng ông P, bà A đang quản lý sử dụng. Đề nghị Tòa án xem xét khi giải quyết vụ án xác định cho bà A ranh giới đất của cụ Đ1 và Ranh giới đất của cụ Đ và chia thừa kế theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H tại bản tự khai và các lời trình bày trong quá trình tố tụng:

Bà Hạnh nhất trí với lời trình bày của ông H về quan hệ huyết thống gia đình, di sản thừa kế cụ Đ, cụ L để lại. Nếu các anh chị em bà không thống nhất được chia tài sản của bố mẹ để lại, bà đề nghị chia theo quy định của pháp luật. Phần của bà sẽ để cho ông H được quyền sử dụng mà không phải thanh toán tiền.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phan Hương T đã ủy quyền cho nguyên đơn là ông Nguyễn Khánh H tham gia tố tụng có lời khai trình bày:

Công nhận lời khai của ông H về mối quan hệ gia đình, bố mẹ anh chị em và khối tài sản cụ Đ, cụ L để lại là đúng. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Những người làm chứng là các ông: Phạm Hữu C, Nguyễn Văn H, Phạm Minh P, Vương Văn D, Phạm Văn T đều trình bày:

Vào khoảng năm 1991 cụ Đ là bố của anh Phương có mời ông Hải, ông Chử đến làm nhà cho ông P, bà A. Cụ Đ có nói là cho vợ chồng ông P đất của cụ Đ1. Ông Hải, ông Thụ, ông P, ông Dưỡng có tham gia xây nhà cho ông P và cùng nghe cụ Đ nói cho đất của cụ Đ1 cho ông P. Còn cụ thể sự việc như thế nào đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Người làm chứng trong di chúc ông Nguyễn Văn H tại phiên tòa trình bày: Ông là con đỡ đầu của cụ Đ, vào thời điểm tháng 4 năm 2022 cụ L có mời ông xuống làm chứng việc cụ có di nguyện di chúc cho đất hai vợ chồng con anh Phương, chị Ân và vợ chồng anh Hội, chị Trà phần đất của cụ L. Cụ L lúc

đó có một bản di chúc cho ông xem và nhờ ông ký làm chứng. Tòa án công bố bản di chúc do ông H xuất trình tại Tòa án, ông Hải công nhận bản di chúc gốc này là đúng ông có ký vào phần người làm chứng di chúc của Liên sự việc đúng sự thật, khi đó cụ L còn minh mẫn ngoài ông còn có ông Dần cùng ký nữa và hiện nay ông Dần đã chết. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật ngoài ra ông không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa ông H có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử khi chia thừa kế tài sản bằng hiện vật ông xin nhận phần đất phía Tây và xin nhận kỷ phần mà bà Hạnh tặng cho ông bằng hiện vật đất, và ông H cũng có nguyện vọng xin được chia đất nhận kỷ phần thừa kế ở vị trí có ngôi nhà bố mẹ xây hiện nay đã hết giá trị khấu hao để ông tu sửa tiếp tục thờ cúng bố mẹ. Về phần đất phía đông và các công trình mà ông P và bà A đã xây dựng công trình nhà và bếp, các công trình phụ khác trên đất đề nghị Tòa án chia cho ông P, bà A được quyền sử dụng để tiện cho việc sử dụng cũng như kê khai, làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Ông H đề nghị phần đất phía Tây thổ đất ông xin nhận sử dụng 500m², nếu diện tích vượt quá phần ông H và bà Hạnh được chia thì ông H sẽ có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch cho các đồng thừa kế khác, nếu thiếu so với kỷ phần được hưởng ông H xin nhận vậy và không yêu cầu ai phải thanh toán tiền chênh lệch cho ông H. Do bà Hạnh tặng kỷ phần của mình được hưởng cho ông H nên ông H xin nhận nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm thay cho bà Hạnh. Về phần đất còn lại phía Đông thổ và các công trình bà A, ông P xây dựng ông H đề nghị chia cho ông Nguyễn Văn P, Bà Vũ Thị A và ông Nguyễn Quốc A.

Về ý kiến xác định ranh giới giữa phần đất của cụ Đ bố ông với cụ Đ1 ông H đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật và các bản đồ địa chính các thời kỳ xác định vị trí đất để xác định ranh giới và chia theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bà A, ông P giữ nguyên ý kiến trình bày ở trên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật phần đất ông bà được hưởng bao nhiêu ông bà xin hưởng và không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 175, 176, 611, 612, 613, 623, 624, 628, 630, 631, 634, 635, 638, 643, 649, 650, 651, 659, 660 của Bộ luật Dân sự; Điều 167 Luật đất đai năm 2013;

- Xác định diện tích 132m^2 đất vườn thuộc thửa số 33, tờ bản đồ số 25 tại xóm 19, xã H.T, huyện Hải Hậu của cụ Nguyễn Thị Đại có vị trí ở phía bắc thổ đất.

- Xác định diện tích đất 1068m^2 ở vị trí còn lại thuộc thửa số 33, tờ bản đồ số 25 tại xóm 19, xã H.T, huyện Hải Hậu của vợ chồng cụ Nguyễn Tiến Đ, Mai Thị L chưa chia.

- Công nhận bản di chúc lập ngày 14/4/2022 của cụ Mai Thị L là hợp pháp.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khánh H về việc yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng thửa đất số 33, tờ bản đồ số 25 diện tích 1068m^2 tại xóm 19, xã H.T, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định của cụ Nguyễn Tiến Đ và Mai Thị L theo di chúc và theo pháp luật.

+ Xác định những người được hưởng thừa kế theo di chúc của cụ Mai Thị L là vợ chồng ông Nguyễn Khánh H, bà Phan Hương T và vợ chồng ông Nguyễn Văn P, Bà Vũ Thị A.

+ Xác định những người thừa kế theo pháp luật của cụ Nguyễn Tiến Đ đều thuộc hàng thừa kế thứ nhất 5 người gồm: Cụ Mai Thị L, ông Nguyễn Khánh H, ông Nguyễn Quốc A, ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị H.

- Về chia di sản thừa kế:

+ Chia theo di chúc: Cụ L được hưởng diện tích đất là 534m^2 trong khối tài sản chung của vợ chồng và hưởng thừa kế từ cụ Đ là $106,8\text{m}^2$. Tổng diện tích đất của cụ Mai Thị L để lại là $640,8\text{m}^2$. Vợ chồng ông Nguyễn Khánh H, bà Phan Hương T và vợ chồng ông Nguyễn Văn P, Bà Vũ Thị A mỗi cặp vợ chồng được hưởng diện tích $320,4\text{m}^2$ trị giá 384.480.000 đồng.

+ Chia theo pháp luật: Phần di sản của cụ Đ là 534m^2 chia làm 5 phần cho 5 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đ. Ông H, ông A, bà Hạnh, ông P mỗi người được hưởng $106,8\text{m}^2$ trị giá 128.160.000đồng. Do ông A tặng cho toàn bộ kỷ phần của mình được hưởng cho ông P nên ông P được hưởng $213,6\text{m}^2$. Bà Hạnh tặng cho toàn bộ kỷ phần của mình được hưởng cho ông H nên ông H được hưởng $213,6\text{m}^2$. Ông H nhất trí cho bà Phan Hương T cùng đứng tên được quyền sử dụng tài sản thừa kế của bố mẹ để lại. Ông Nguyễn Văn P cũng nhất trí cho Bà Vũ Thị A cùng đứng tên được quyền sử dụng tài sản thừa kế của bố mẹ để lại.

Tổng diện tích đất ông Nguyễn Khánh H, bà Phan Hương T được chia là: $320,4\text{m}^2 + 213,6\text{m}^2 = 534\text{m}^2$ trị giá 640.800.000đồng.

Tổng diện tích đất ông Nguyễn Văn P, Bà Vũ Thị A được chia là $320,4\text{m}^2 + 213,6\text{m}^2 = 534\text{m}^2$ trị giá 640.800.000đồng.

+ Về án phí: Hộ ông Nguyễn Văn P có điều kiện hoàn cảnh kinh tế khó khăn đang hưởng chế độ chính sách của Nhà nước nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Khánh H và ông Nguyễn Quốc A phải nộp án phí tương đương với tài sản được chia thừa kế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khánh H về chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Tiến Đ và cụ Mai Thị L là quan hệ Tranh chấp về thừa kế tài sản theo khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Nguyễn Tiến Đ chết năm 2007, cụ Mai Thị L chết năm 2022. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự thì “Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế”, theo quy định tại khoản 1 Điều 611 thì “Thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết”. Đối chiếu với các quy định này thì yêu cầu chia di sản thừa kế của cả cụ Đ, cụ L để lại còn trong thời hiệu khởi kiện.

[3] Về di sản thừa kế: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do các đương sự giao nộp và Tòa án thu thập được, trong đó có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 974267 do Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, cấp ngày 02/01/1997 mang tên hộ ông Nguyễn Tiến Đ có cơ sở khẳng định: cụ Nguyễn Tiến Đ và cụ Mai Thị L có để lại di sản là quyền sử dụng diện tích 1068m² đất (trong đó: đất ở 340m², đất vườn tạp 466m², đất ao 262m²) thuộc thửa số 33, tờ bản đồ số 25 tại xóm 19, xã H.T, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trị giá 1.281.600.000đồng là đúng. Căn cứ vào Điều 612 Bộ luật Dân sự xác định đây là di sản thừa kế của cụ Đ và cụ L.

[4] Về vị trí, ranh giới quyền sử dụng đất của vợ chồng cụ Nguyễn Tiến Đ, Mai Thị L với ranh giới quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Thị Đại: Theo các tài liệu chứng cứ mà Tòa án thu thập được và lời khai của các đương sự, người làm chứng thì cụ Đ1 có diện tích đất vườn là 132m², vợ chồng cụ Đ có diện tích đất 1068m² (trong đó: đất ở 340m², đất vườn tạp 466m², đất ao 262m²) đều thuộc thửa số 33, tờ bản đồ số 25 tại xóm 19, xã H.T, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định là đúng. Cụ Đ1 và cụ Đ đều đã được Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên hồ sơ địa chính, các bản đồ địa chính đều không thể hiện vị trí, ranh giới đất của từng người. Các đương sự cũng

không thống nhất được vị trí, ranh giới đất. Theo ông H thì đất của cụ Đ1 nằm ở vị trí phía bắc giáp đất ruộng. Theo ông P, ông A và bà A và một số người làm chứng thì vào năm 1991 ông Điện là bố đẻ có cho ông P xây nhà ở vị trí phía đông bắc thổ đất hiện nay có nói đó là đất của cụ Đ1 và cho vợ chồng ông P xây dựng nếu thiếu thì xây sang đất của ông Điện còn cụ thể thể theo hồ sơ địa chính như thế nào những người làm chứng khác không rõ và cũng không ai đưa ra được tài liệu chứng cứ gì chứng minh vị trí đất và điều xác nhận cụ Đ1 chết năm 1994.

Căn cứ vào bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính thừa đất qua các thời kỳ do cơ quan quản lý đất đai lưu trữ cung cấp cho Tòa án thì thấy: Bản đồ 299 thì thửa đất số 578, diện tích 992m² loại đất ký hiệu T đứng tên cụ Đ và thửa số 611 diện tích 98m² loại đất ký hiệu T không mang tên ai. Không có tên thể hiện cụ Đ1 có đất trên bản đồ. Phía Bắc thổ là đất 2L.

Bản đồ địa chính lập năm 1994, thửa số 33, tờ bản đồ 25, tổng diện tích là 1200m², trong đó: đất thổ 340m² và đất ao 262m², đất vườn 598m² có vị trí ở phía nam và phía bắc thổ. Sổ địa chính lập ngày 05/10/1998 tại trang số 34 thể hiện: thửa số 33, tờ bản đồ số 25 có đất ở 340m², đất ao 262m², đất vườn 466m², tên chủ sử dụng Nguyễn Tiến Đ. Sổ mục kê lập ngày 05/10/1998 tại trang số 224, tờ bản đồ số 25, thửa số 33 có 2 tên là: Nguyễn Tiến Đ diện tích đất là 1068m², trong đó: đất ở 340m², đất ao 262m², đất vườn 466m² và Nguyễn Thị Đại có diện tích đất là 132m² đất vườn. Như vậy hồ sơ địa chính thể hiện thửa số 33 có đất vườn ở phía bắc và phía nam. Kết quả thẩm định hồ sơ địa chính tại UBND xã H.T: Ban đầu thửa đất đang tranh chấp có nguồn gốc là thửa số 578 tờ bản đồ số 7 diện tích 992m² mang tên Điện và thửa số 611 diện tích 98m² đất màu tên chủ sử dụng Hợp tác xã. Sau đó cả hai thửa này gộp thành 1 thửa số 33, tờ bản đồ số 25 mang tên Điện với tổng diện tích là 1200m², sau này làm đường xóm lán vào nên diện tích đất còn là 1068m².

Đối chiếu hai hình thể của hai bản đồ địa chính thì phần đất phía bắc thổ đất vườn xuất hiện sau từ đất 2L thành đất vườn. Như vậy có căn cứ khẳng định phần đất của cụ Đ nằm ở phía nam thổ, phần đất vườn của cụ Đ1 nằm ở phía bắc thổ. Căn cứ quy định của pháp luật tại Điều 175, 176 của Bộ luật Dân sự, xác định ranh giới giữa thửa đất của vợ chồng cụ Đ, cụ L với cụ Đ1 là đoạn thẳng kéo từ điểm mốc số 10 đến điểm mốc số 3.

[5] Về bản di chúc của cụ Mai Thị L:

[5.1] Bản di chúc do cụ Mai Thị L lập và ký ngày 14/4/2022 có hai người làm chứng và đã được UBND xã H.T xác nhận thuộc trường hợp di chúc bằng văn bản có chứng thực của UBND xã và có người làm chứng. Trong lời chứng thực của Chủ tịch UBND xã H.T vào ngày 14/4/2022 đã thể hiện rõ: “tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ yêu cầu và chứng thực, bà Mai Thị L minh mẫn sáng suốt,

nhận thức và làm chủ được hành vi của mình, tự nguyện lập di chúc và đã điền chỉ vào di chúc này...”. Người làm chứng chứng kiến xác nhận. Như vậy cụ L lập di chúc khi minh mẫn, sáng suốt, không bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép nên về hình thức của di chúc là hợp pháp theo quy định tại các Điều 624, Điều 628, Điều 630, Điều 635 Bộ luật Dân sự.

[5.2] Về nội dung bản di chúc: Di chúc đã thể hiện ý nguyện của cụ L với nội dung: Diện tích đất cụ L được chia tài sản chung vợ chồng và tài sản được hưởng thừa kế của cụ Đ, cụ L chia đều cho vợ chồng ông Nguyễn Văn P, Bà Vũ Thị A và vợ chồng ông Nguyễn Khánh H, bà Phan Hương T, ông Nguyễn Văn P và ông Nguyễn Khánh H được toàn quyền làm các thủ tục theo quy định của pháp luật để được đứng tên tài sản được chia. UBND xã H.T đã vào sổ chứng thực số 348, quyển số 03. Từ những phân tích trên, căn cứ vào các Điều 624, 626, 630, 631 và Điều 635 của Bộ luật Dân sự có cơ sở khẳng định Bản di chúc lập ngày 14/4/2022 của cụ Mai Thị L là hợp pháp.

[6] Chia di sản thừa kế: Do di chúc của cụ L là hợp pháp nên vợ chồng ông H, bà T và vợ chồng ông P, bà A là người được hưởng thừa kế bằng nhau theo di chúc của cụ L. Cụ Đ không có di chúc nên phần tài sản của cụ Đ trong khối tài sản chung được chia đều cho 5 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: cụ L, ông H, ông P, ông A và bà Hạnh.

[6.1] Chia thừa kế tài sản của cụ Mai Thị L theo di chúc: Cụ L được hưởng diện tích đất là 534m² trong khối tài sản chung của vợ chồng và hưởng thừa kế từ cụ Đ là 106,8m². Tổng diện tích đất của cụ Mai Thị L để lại là 640,8m². Vợ chồng ông Nguyễn Khánh H, bà Phan Hương T và vợ chồng ông Nguyễn Văn P, Bà Vũ Thị A mỗi được hưởng diện tích 320,4m² trị giá 384.480.000đồng.

[6.2] Chia thừa kế tài sản của cụ Nguyễn Tiến Đ theo pháp luật: Phần di sản của cụ Đ là quyền sử dụng diện tích đất 534m² chia làm 5 phần cho 5 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đ, theo đó: cụ L, ông H, ông A, bà Hạnh, ông P mỗi người được hưởng 106,8m² trị giá 128.160.000đồng. Ông A tặng cho toàn bộ kỷ phần của mình được hưởng cho ông P, bà Hạnh tặng cho toàn bộ kỷ phần của mình được hưởng cho ông H, xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử sẽ ghi nhận sự tặng cho này.

Từ những phân tích đánh giá nêu trên, chia thừa kế tài sản theo quy định pháp luật như sau:

Chia cho vợ chồng ông Nguyễn Khánh H, bà Phan Hương T được quyền sử dụng là: 320,4m² + 106,8m² + 106,8m² = 534m² trị giá 640.800.000đồng, trong đó: đất ở 170 m², đất vườn 233 m², đất ao 131 m².

Chia cho vợ chồng ông Nguyễn Văn P, Bà Vũ Thị A được quyền sử dụng là 320,4m² + 106,8m² + 106,8m² = 534m² trị giá 640.800.000đồng, trong đó:

đất ở 170m², đất vườn 233m², đất ao 131m².

Tuy nhiên tại phiên tòa ông Nguyễn Khánh H tự nguyện chỉ xin nhận quyền sử dụng 500m² đất trong phần thừa kế tài sản của bố mẹ để lại, số còn lại trong diện thừa kế 34m² đất CLN ông H tặng cho lại gia đình ông P và nhất trí cho bà Phan Hương T cùng được quyền sử dụng tài sản thừa kế của bố mẹ để lại và cùng có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định pháp luật. Ông H, bà T xin nộp án phí nhà nước phần đất bà Hạnh tặng cho và án phí phần đất tặng cho ông P, bà A. Ông Nguyễn Văn P cũng nhất trí cho Bà Vũ Thị A cùng đứng tên được quyền sử dụng tài sản thừa kế của bố mẹ để lại. Do đó cần ghi nhận những sự tự nguyện này.

Như vậy: Vợ chồng ông Nguyễn Khánh H, bà Phan Hương T được quyền sử dụng là: 500m² trị giá 600.000.000đồng, trong đó: đất ở 170 m², đất vườn 199 m², đất ao 131 m².

Vợ chồng ông Nguyễn Văn P, Bà Vũ Thị A được quyền sử dụng 568m² (đất ở 170m², đất vườn 267m², đất ao 131m²).

[8] Về án phí: Các đương sự phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Quốc A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật phần đất tặng cho ông P; bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Khánh H, bà Phan Hương T phải nộp án phí theo quy định pháp luật. Ông Nguyễn Văn P, Bà Vũ Thị A được miễn án phí theo quy định pháp luật vì thuộc gia đình khó khăn đang được hưởng trợ cấp xã hội được chính quyền địa phương xác nhận. Tuy nhiên ông Nguyễn Khánh H, bà Phan Hương T nhận nộp cả án phí dân sự sơ thẩm phần bà Hạnh tặng cho đất, phần án phí tặng cho đất ông P tương ứng với giá trị tài sản được chia.

[9] Chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc thẩm định và định giá tài sản, ông H đã nộp đủ và tại phiên tòa ông Nguyễn Khánh H tự nguyện nhận toàn bộ chi phí tố tụng, thẩm định định giá, đo đạc tài sản không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: các Điều 175, 176, 609, 611, 612, 613, 623, 624, 628, 630, 631, 634, 635, 638, 643, 649, 650, 651, 659, 660 của Bộ luật Dân sự; Điều 167 Luật đất đai năm 2013;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khánh H về việc chia di sản thừa kế quyền sử dụng diện tích đất 1068m² thuộc thừa số 33, tờ bản

đồ số 25 tại xóm 19, xã H.T, huyện Hải Hậu của cụ Nguyễn Tiến Đ và cụ Mai Thị L theo di chúc và theo pháp luật.

2. Xác định Ranh giới quyền sử dụng diện tích đất 132m² CLN và quyền sử dụng đất 1068m² đất của cụ Nguyễn Tiến Đ, cụ Mai Thị L tại thửa đất số 33, tờ bản đồ số 25 tại xóm 19, xã H.T, huyện Hải Hậu là một đường thẳng được giới hạn bởi các điểm (3,10).

3. Xác định quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Tiến Đ và cụ Mai Thị L tại thửa đất số 33, tờ bản đồ số 25 được giới hạn bởi các điểm (3,10,9,8,7,6,5',5,4,3) tại xóm 19, xã H.T, huyện Hải Hậu tỉnh Nam Định.

4. Công nhận bản di chúc lập ngày 14/4/2022 của cụ Mai Thị L là hợp pháp.

5. Về chia di sản thừa kế:

5.1. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Quốc A tặng cho toàn bộ kỷ phần của mình cho ông Nguyễn Văn P; Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H tặng cho toàn bộ kỷ phần thừa kế của mình cho ông Nguyễn Khánh H; Ghi nhận sự tự nguyện của ông H tặng cho ông P, bà A quyền sử dụng 34m² đất CLN và nhận nộp án phí phần đất ông H tặng cho.

5.2. Chia cho vợ chồng ông Nguyễn Khánh H, bà Phan Hương T được quyền sử dụng là: 500m² trị giá 600.000.000đồng, trong đó: đất ở 170 m², đất vườn 199 m², đất ao 131 m². Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 974267 do Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, cấp ngày 02/01/1997 mang tên hộ ông Nguyễn Tiến Đ (được giới hạn bởi các điểm (5',6,7,11,12,13,5')).

5.3. Chia cho vợ chồng ông Nguyễn Văn P, Bà Vũ Thị A được quyền sử dụng 568m² trị giá 681.600.000đ (đất ở 170m², đất vườn 267m², đất ao 131m²). Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 974267 do Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, cấp ngày 02/01/1997 mang tên hộ ông Nguyễn Tiến Đ (được giới hạn bởi các điểm (3,4,5,5',13,12,11,7,8,9,10,3)

(Độ dài các cạnh, vị trí, ranh giới, diện tích từng loại đất cụ thể các đương sự được quyền sử dụng ở trên có sơ đồ đo vẽ kèm theo bản án).

Các đương sự có trách nhiệm kê khai, đăng ký, làm thủ tục và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

8. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn P, Bà Vũ Thị A vì có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, ông Ân hàng tháng đang được hưởng chế độ chính sách của Nhà nước được chính quyền địa phương xác nhận.

Ông Nguyễn Khánh H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 29.632.000đồng (Hai mươi chín triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Ông Nguyễn Quốc A phải nộp 6.408.000đ (Sáu triệu bốn trăm linh tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

9. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND + VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã H.T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng